TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HS-PT
Ngày 02/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Ma Hồng Thắng và Bà Hoàng Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2018/TLPT- HS ngày 09 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo Phạm Văn C và đồng bọn do có kháng cáo của 10 bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Văn C**, sinh ngày 20/01/1990, tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú:Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn M, sinh năm 1950 và bà Hà Thị L, sinh năm 1953; vợ: Triệu Thị T, sinh năm 1994; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017;

- Tiền án, tiền sự: Có 01 tiền án.

Ngày 14/4/2014, bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 02 năm 6 tháng về tội Vi phạm quy định về điều kH phương tiện giao thông đường bộ; tháng 10 năm 2016 chấp hành xong bản án.

Nhân thân: Ngày 13/12/2007, bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại bản án số 50/2007/HSST, Phạm Văn C kháng cáo; ngày 09/5/2008, Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm giữ nguyên hình phạt 06 tháng tù; ngày 18/8/2008 chấp hành xong bản án.

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (C*ó mặt).*

2. Họ và tên: **Hoàng Văn L** (tên gọi khác **Hoàng Thế L)**, sinh ngày 22/6/1986, tại huyện B, tỉnh Hà Giang;

Nơi cư trú: Thôn T 3, xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn T, sinh năm 1965 và bà Hoàng Thị N (đã chết); vợ: Ma Thị L, sinh năm 1985; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2013.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (C*ó mặt).*

3. Họ và tên: **Hoàng Văn T**, sinh ngày 13/7/1993, tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; giới tính: nam; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn X, sinh năm 1966 và bà Tỉnh Thị N, sinh năm 1971; vợ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1997; con: Có 01 con, sinh năm 2016;

- Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 11/5/2012, C an huyện C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc 1.500.000 đồng.

+ Ngày 27/4/2013, UBND xã T, huyện C xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau 750.000đ.

+ Ngày 04/4/2014, UBND xã H, huyện C xử phạt vi hành chính về hành vi đánh nhau 750.000 đồng, đã chấp hành xong ngày 30/6/2014.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (C*ó mặt).*

4. Họ và tên: **Phạm Gia K**, **s**inh ngày 03/8/1971, tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn B1, xã M, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Gia T và bà Đặng Thị V (đều đã chết); Vợ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1972; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1995;

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (*Có mặt).*

5. Họ và tên: **Ma Đình D**, sinh ngày 12/6/1976, tại huyện C (nay là huyện L), tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn B2, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ma Đình Q, sinh năm 1951 và bà Ma Thị T, sinh năm 1951; Vợ: Ma Thị N, sinh năm 1976; Con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2003.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/7/2017 đến ngày 25/7/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (*Có mặt).*

6. Họ và tên: **Ma Văn D1**, sinh ngày 14/12/1983, tại huyện C (nay là huyện L), tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn B2, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ma Văn S, sinh năm 1946 và bà Ma Thị M, sinh năm 1954; Vợ: Trần Thị M, sinh năm 1989; Con: Có 01 con, sinh năm 2014;

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/7/2017 đến ngày 25/7/2017 được thay đổi bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, (*Có mặt).*

7. Họ và tên: **Ma Văn Q**, sinh ngày 01/8/1982, tại huyện C (nay là huyện L), tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn B2, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ma Văn T (đã chết) và bà Ma Thị P, sinh năm 1960; Vợ: Ma Thị L, sinh năm 1986; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016;

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/7/2017 đến ngày 25/7/2017 được thay đổi bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, (*Có mặt).*

8. Họ và tên: **Đặng Văn Đ**, sinh ngày 10/02/1984, tại huyện C (nay là huyện L), tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Văn Q (đã chết) và bà Đặng Thị T, sinh năm 1956; Vợ: Bàn Thị K, sinh năm 1983; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2004;

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 27/9/2012, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đặng Văn Đ kháng cáo ngày 28/11/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm tuyên phạt Đặng Văn Đ 9 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng. Đã chấp hành xong bản án tháng 7 năm 2014.

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017 được thay đổi bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, (*Có mặt).*

9. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 22/12/1989, tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện C, tỉnh Tuyên Quang

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Phạm Thị D, sinh năm 1954; Vợ: Triệu Thị S, sinh năm 1991; Con: Có 01 con, sinh năm 2015;

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Ngày 06/01/2017, UBND xã M, huyện C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, phạt tiền 1.000.000đ, đã nộp phạt ngày 04/4/2017.

- Nhân thân: Ngày 22/01/2013, Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 04 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng, phạt tiền 3 triệu đồng về tội đánh bạc tại bản án số 03/2013/HSST. Đã chấp hành xong các quyết định của bản án ngày 13/5/2014;

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017 được thay đổi bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, (*Có mặt).*

10. Họ và tên: **Ma Phúc T**, **s**inh ngày 13/11/1982, tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn B1, xã M, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ma Phúc H (đã chết) và bà Ma Thị N, sinh năm 1951; Vợ: Ma Thị L, sinh năm 1979; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007;

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 06/9/2014, UBND xã M, huyện C xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, phạt tiền 1.500.000 đồng, đã chấp hành xong tháng 9 năm 2014.

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017 được thay đổi bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, (*Có mặt).*

* C*ác bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:*

1. Họ tên: **Hoàng Văn S**, sinh ngày 01/12/1967, tại xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang;

Nơi cư trú: Thôn T 3, xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 07/10; Dân tộc: Tày; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn H, sinh năm 1936 và bà Ma Thị Q, sinh năm 1936; Vợ: Ma Thị G, sinh năm 1967; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1993;

Tiền án, tiền sự: Có 01 tiền án, ngày 16/11/2011 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 07 năm 04 tháng về tội Mua bán trái phép chất ma túy, phạt tiền bổ sung 6 triệu đồng.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú

Ngoài ra còn có 03 bị cáo khác (Ma Văn C, Ma Thị S, Ma Đình L) không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 30 phút ngày 17/7/2017, tại nhà ở Ma Văn C thuộc thôn Nà Chúc, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, Cơ quan Cảnh sát điều tra C an huyện L lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Ma Văn C cùng các đồng phạm gồm: Phạm Văn C, Hoàng Văn T, Phạm Gia K, Ma Phúc T; Nguyễn Văn H; Hoàng Văn L, Hoàng Văn S; Ma Đình D, Ma Văn D1, Ma Văn Q; Đặng Văn Đ; Ma Đình L, về hành vi Đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền. Thu giữ tại chiếu bạc 23.370.000đ (*hai mươi ba triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng),* 01 bát con bằng sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài được làm bằng cây tre, một mặt được bôi đen.

Quá trình điều tra xác định: Tối ngày 16/7/2017, Ma Phúc T, Phạm Gia K, Hoàng Văn L, Hoàng Văn S và Ma Đình L được Ma Văn C mời đến nhà ăn cơm. Ăn cơm xong mọi người lên bàn uống nước, thì lần lượt có thêm Ma Văn D1, Phạm Văn C, Hoàng Văn T đến nhà C chơi, sau đó mọi người cùng nhau chơi xóc đĩa. K nói với C: "Có cho chơi ở đây được không" (Ý K hỏi cho mọi người đánh bạc tại nhà C), C đồng ý rồi trả lời: "Chơi thì chơi". Thấy C đồng ý, K bảo D1 cắt quân để đánh bạc, D1 và C xuống bếp nhà C cắt 04 quân bạc bằng tre một mặt được bôi đen và lấy 01 bát con, 01 đĩa con bằng sứ màu trắng mang lên nhà. Trước khi đánh bạc, C nói với mọi người: "Anh em chơi ở đây thì đóng cho gia đình một ít". Đ, K, T, Sự, C, H, D1, Lệnh, Lên mỗi người nộp 50.000đ, tổng số được 450.000đ đưa cho Ma Thị S (là vợ C). Sáu biết rõ là tiền mọi người nộp cho nhờ địa điểm cho đánh bạc nhưng vẫn cầm tiền và không có phản ứng gì. C, C, D1, T, K, Lên, Sự, T, Lệnh cùng nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền. Trong khi đánh bạc, C và D1 thay nhau xóc cái và trực tiếp tham gia cá cược; mỗi ván thấp nhất là 10.000đ và cao nhất là đến 300.000đ/ván/người. Mọi người đánh bạc được khoảng 40 phút thì có Nguyễn Văn H, Ma Văn Q, Ma Đình D và Đặng Văn Đ đến nhà C và cùng tham gia đánh bạc. D cá cược được một lúc bị thua liên tiếp nên xuống bếp nhà C lấy 01 bát, 01 đĩa và cắt 04 quân bạc khác mang lên thay. Mọi người đánh bạc từ khoảng 22 giờ ngày 16/7/2017 đến 00 giờ 30 phút ngày 17/7/2017 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra C an huyện L lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ

toàn bộ tang vật tại chiếu bạc gồm: 01 bát, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 (bốn) quân bạc được làm bằng tre, một mặt được bôi đen và số tiền trên chiếu bạc 23.370.000đ (*Hai mươi ba triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng nghìn đồng*).

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ các bị cáo sử dụng số tiền vào việc đánh bạc như sau:

Ma Văn C sử dụng 2.320.000đ; Phạm Văn C 1.350.000đ; Hoàng Văn T 100.000đ; Phạm Gia K 3.850.000đ; Nguyễn Văn H 1.350.000đ; Ma Phúc T 1.050.000đ; Hoàng Văn L 6.850.000đ; Ma Đình D 1.000.000đ; Ma Văn D1 1.050.000đ; Ma Văn Q 1.100.000đ; Đặng Văn Đ 2.050.000đ; Hoàng Văn S 1.650.000đ; Ma Đình L 100.000đ.

Quá trình điều tra các bị cáo còn khai nhận, trong khi đánh bạc có một số người vay tiền của nhau tại chiếu bạc để đánh bạc, cụ thể:

- Phạm Văn C vay của Ma Văn C 5.000.000đ, vay của Hoàng Văn L 8.000.000đ; Hoàng Văn T vay của Nguyễn Văn H 2.000.000đ; Ma Đình D vay của Hoàng Văn L 3.000.000đ. Toàn bộ số tiền cho vay là tiền của bị cáo L và H do thắng bạc mà có.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn C, Hoàng Văn T, Phạm Gia K, Nguyễn Văn H, Ma Phúc T, Hoàng Văn L (Hoàng Thế L), Ma Đình D, Ma Văn D1, Ma Văn Q, Đặng Văn Đ phạm tội Đánh bạc.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248; Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 đối với các bị cáo Phạm Văn C, Đặng Văn Đ, Hoàng Văn S, Nguyễn Văn H (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51, đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Văn C; Xử phạt:

Bị cáo Phạm Văn C 01 năm 03 tháng tù (được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án; phạt tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

Bị cáo Đặng Văn Đ 01 năm tù (được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án; phạt tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

Bị cáo Nguyễn Văn H 01 năm tù (được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án; phạt tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248; Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 đối với các bị cáo Phạm Gia K, Hoàng Văn L, Ma Đình D, Ma Văn D1, Ma Văn Q, Ma Phúc T, Hoàng Văn T.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Gia K 10 tháng tù (được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án; phạt tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

Bị cáo Hoàng Văn L **(**tên gọi khác Hoàng Thế L) 01 năm 03 tháng tù, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án; phạt tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

Bị cáo Ma Đình D 07 tháng tù (được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/7/2017 đến ngày 25/7/2017), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án; phạt tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

Bị cáo Ma Văn D1 07 tháng tù (được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/7/2017 đến ngày 25/7/2017), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án; phạt tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

Bị cáo Ma Văn Q 07 tháng tù (được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/7/2017 đến ngày 25/7/2017), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án; phạt tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

Bị cáo Ma Phúc T 09 tháng tù (được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án; phạt tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

Bị cáo Hoàng Văn T 10 tháng tù (được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án; phạt tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với 04 bị cáo khác: Ma Văn C 01 năm tù về tội Đánh bạc, 01 năm tù về tội Gá bạc, tổng hợp hình phạt chung là 02 năm tù; Hoàng Văn S 01 năm tù; Ma Thị S 01 năm tù cho hưởng án treo; Ma Đình L 01 năm cải tạo không giam giữ và quyết định xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định.

Ngày 09/02/2018, các bị cáo Phạm Văn C, Đặng Văn Đ, Hoàng Văn T, Phạm Gia K, Ma Đình D, Ma Văn D1, Ma Văn Q đều có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo. Các bị cáo Nguyễn Văn H, Phạm Gia K, Hoàng Văn L, Ma Phúc T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo C, Đ, T, D, D1, Q giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Bị cáo Lên giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo H, K, T bổ sung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Kết thúc phần xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

Đơn kháng cáo của các bị cáo hợp lệ, trong hạn luật định. Các tài liệu tố tụng trong hồ sơ đảm bảo trình tự thủ tục tố tụng hình sự quy định. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Phạm Văn C, Hoàng Văn T, Phạm Gia K, Nguyễn Văn H, Ma Phúc T, Hoàng Văn L, Ma Đình D, Ma Văn D1, Ma Văn Q, Đặng Văn Đ về tội

Đánh bạc là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, các bị cáo Phạm Văn C, Đặng Văn Đ, Nguyễn Văn H, Ma Đình D, Ma Văn D1, Ma Văn Q, Ma Phúc T, Hoàng Văn T đều là hộ gia đình nghèo trong xã, nhưng tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền mỗi bị cáo 1.000.000đ) là không đúng quy định. Đối với bị cáo Hoàng Văn S, mặc dù bị cáo không có kháng cáo nhưng xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo thấy cần phải xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để đảm bảo công bằng giữa các bị cáo trong cùng một vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm b Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa bản án hình sự sơ thẩm như sau:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 đối với các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn Văn H, (Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Văn C); xử phạt bị cáo Phạm Văn C 08 tháng đến 10 tháng tù; bị cáo Nguyễn Văn H 06 tháng đến 08 tháng tù.

Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 248; Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Hoàng Văn S 08 tháng đến 10 tháng tù; phạt tiền 1.000.000đ.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248; Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Hoàng Văn L 07 tháng đến 09 tháng tù; phạt tiền 1.000.000đ.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248; Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Phạm Gia K 04 tháng đến 06 tháng tù, cho hưởng án treo; phạt tiền 1.000.000đ.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo Đặng Văn Đ 05 tháng đến 07 tháng tù, cho hưởng án treo.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự với bị cáo D1); xử phạt bị cáo Ma Đình D từ 04 tháng đến 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Bị cáo Ma Văn D1 từ 04 tháng đến 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Bị cáo Ma Văn Q từ 04 tháng đến 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Bị cáo Ma Phúc T từ 05 tháng đến 07 tháng tù, cho hưởng án treo. Bị cáo Hoàng Văn T từ 05 tháng đến 07 tháng tù, cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo theo quy định.

Không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo Phạm Văn C, Đặng Văn Đ, Nguyễn Văn H, Ma Đình D, Ma Văn D1, Ma Văn Q, Ma Phúc T, Hoàng Văn T đều là hộ gia đình nghèo trong xã. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Trong phần tranh luận các bị cáo nhất trí như đề nghị của địa diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ và lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để xác định: Trong khoảng thời gian từ 22 giờ ngày 16/7/2017 đến 00 giờ 30 phút, ngày 17/7/2017, tại nhà ở của Ma Văn C và Ma Thị S ở thôn Nà Chúc, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; các bị cáo Ma Văn C, Phạm Văn C, Hoàng Văn T, Phạm Gia K, Nguyễn Văn H, Ma Phúc T, Hoàng Văn L, Ma Đình D, Ma Văn D1, Ma Văn Q, Đặng Văn Đ, Hoàng Văn S và Ma Đình L đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 23.820.000đ (thu giữ trên chiếu bạc là 23.370.000đ, Ma Thị S nộp lại 450.000đ).

[3] Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 với mức án của bị cáo Phạm Văn C 01 năm 03 tháng tù; bị cáo Đặng Văn Đ 01 năm tù; bị cáo Nguyễn Văn H 01 năm tù; bị cáo Hoàng Văn L 01 năm 03 tháng tù; bị cáo Phạm Gia K 10 tháng tù; bị cáo Hoàng Văn T 10 tháng tù; bị cáo Ma Phúc T 09 tháng tù; bị cáo Ma Đình D 07 tháng tù; bị cáo Ma Đình D1 07 tháng tù; bị cáo Ma Văn Q 07 tháng tù là đúng người, đúng tội.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nội dung đơn kháng cáo và các tài liệu chứng cứ mới của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Bị cáo Phạm Văn C thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực, sử dụng số tiền 1.350.000đ để đánh bạc và vay của Ma Văn C 5.000.000đ, vay của Hoàng Văn L 8.000.000đ để đánh bạc; đồng thời bị cáo là người có nhân thân xấu, ngày 14/4/2014, bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 02 năm 6 tháng về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, tháng 10 năm 2016 chấp hành xong bản án, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm; ngày 13/12/2007 bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tuy đến nay đã được xóa án tích nhưng chứng tỏ bị cáo là người không có ý thức chấp hành pháp luật tại địa phương. Do vậy, cần thiết phải cách ly bị cáo ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bố đẻ bị cáo

được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì; gia đình bị cáo là hộ nghèo, có xác nhận của UBND xã. Đây là những tình tiết giảm nhẹ, cần chấp nhận đơn kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt tù cho bị cáo.

- Bị cáo Hoàng Văn L thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực sử dụng số tiền đánh bạc là 6.850.000đ, ngoài ra bị cáo L còn cho bị cáo C vay 8.000.000đ và bị cáo D 3.000.000đ để đánh bạc, số tiền bị cáo sử dụng đánh bạc nhiều nhất trong số các bị cáo tham gia đánh bạc trong vụ án. Nên cần thiết phải cách ly bị cáo ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là những tình tiết giảm nhẹ, cần chấp nhận một phần kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt tù cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội tích cực, sử dụng số tiền đánh bạc là 1.350.000đ, cho bị cáo Hoàng Văn T vay 2.000.000đ để đánh bạc; bị cáo có nhân thân xấu, ngày 22/01/2013 bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 04 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng, phạt tiền 03 triệu đồng về tội đánh bạc; đã chấp hành xong các quyết định của bản án ngày 13/5/2014, tuy đến nay đã được xóa án tích, nhưng ngày 06/01/2017, bị cáo lại bị UBND xã M, huyện C xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000đ về hành vi đánh bạc cùng tính chất, đã nộp phạt ngày 04/4/2017, đang trong thời gian có tiền sự. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyên nộp khoản tiền phạt 1.000.000đ thể hiện sự ăn năn hối cải; gia đình bị cáo là hộ nghèo, có xác nhận của UBND xã. Đây là những tình tiết giảm nhẹ, cần chấp nhận đơn kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt tù cho bị cáo.

- Bị cáo Đặng Văn Đ sử dụng số tiền đánh bạc là 2.050.000đ, bị cáo có nhân thân xấu, ngày 27/9/2012 bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, đã chấp hành xong bản án tháng 7 năm 2014, đến nay đã được xóa án tích. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo là hộ nghèo có chứng nhận của UBND xã, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do vậy, không cần thiết cách ly bị cáo ngoài xã hội, cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm, giảm một phần hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo Ma Phúc T sử dụng số tiền đánh bạc là 1.050.000đ, bị cáo có nhân thân xấu, ngày 06/9/2014, bị UBND xã M, huyện C xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, phạt tiền 1.500.000 đồng, đã chấp hành xong tháng 9 năm 2014. Tuy nhiên, đến nay bị cáo không coi là có tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo là hộ nghèo, có xác nhận của UBND xã; bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, tự nguyện nộp khoản tiền án phí là 200.000đ. Do vậy, không

cần thiết cách ly bị cáo ngoài xã hội, cần chấp nhận đơn kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Hoàng Văn T sử dụng 100.000đ để đánh bạc và vay của Nguyễn Văn H 2.000.000đ để đánh bạc, nhân thân bị cáo đã 3 lần bị xử phạt vi phạm hành chính, đến nay cả 3 lần đều đã xóa tiền sự, không coi là đã bị xử phạt vi phạm hành chính; lần phạm tội này bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải gia đình bị cáo là hộ nghèo, có chứng nhận của UBND xã. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có tình tiết giảm nhẹ mới, có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Do vậy, không cần thiết cách ly bị cáo ngoài xã hội, cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm, giảm một phần hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng án treo.

- Các bị cáo Phạm Gia K, Ma Văn Q, Ma Văn D1 và Ma Đình D sử dụng số tiền đánh bạc là (Bị cáo K 3.850.000đ, Q 1.100.000đ, D1 1.050.000đ, D 1.000.000đ vay thêm của bị cáo Lên 3.000.000đ); các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; mỗi bị cáo xuất trình thêm Biên lai nộp tiền phạt và án phí là 1.200.000đ thể hiện sự ăn năn, hối cải; riêng các bị cáo Ma Văn Q, Ma Đình D là hộ gia đình nghèo, Ma Văn D1 có bố đẻ là Ma Văn S được nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba và là hộ gia đình nghèo trong xã (Có giấy chứng nhận hộ nghèo của UBND xã H). Bị cáo Phạm Gia K tự nguyện nộp khoản tiền phạt, án phí là 1.200.000đ; bị cáo Ma Đình D tự nguyện nộp khoản tiền phạt, án phí là 1.200.000đ; bị cáo Ma Văn D1 tự nguyện nộp khoản tiền phạt, án phí là 1.200.000đ; bị cáo Ma Văn Q tự nguyện nộp khoản tiền phạt, án phí là 1.200.000đ. Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có tình tiết giảm nhẹ mới, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do vậy, không cần thiết cách ly bị cáo ngoài xã hội, cần chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm, giảm một phần hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng án treo.

Đối với bị cáo Hoàng Văn S, sử dụng số tiền đánh bạc là 1.650.000đ, bị cáo có 01 tiền án, ngày 16/01/2011 bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 07 năm 04 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, phạt tiền 6.000.000đ. Đến tháng 01/2017 bị cáo chấp hành xong hình phạt, lần phạm tội này của bị cáo là thuộc trường hợp tái phạm, bản án sơ thẩm nhận định bị cáo tái phạm nguy hiểm theo đoạn 2 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo 01 năm tù là không phù hợp. Tuy bị cáo không kháng cáo nhưng cũng cần xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo để đảm bảo sự công bằng với các bị cáo khác trong cùng vụ án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với các bị cáo thuộc hộ gia đình nghèo trong xã gồm: Phạm Văn C, Hoàng Văn T, Nguyễn Văn H, Ma Đình D, Ma Văn D1, Ma Văn Q, Ma Phúc T, Đặng Văn Đ. Trả lại số tiền phạt cho bị cáo đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện L.

[5] Các bị cáo Phạm Văn C, Hoàng Văn T, Phạm Gia K, Nguyễn Văn H, Ma Phúc T, Hoàng Văn L, Ma Đình D, Ma Văn D1, Ma Văn Q, Đặng Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Điều 355; điểm c, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn C, Hoàng Văn T, Phạm Gia K, Nguyễn Văn H, Ma Phúc T, Hoàng Văn L, Ma Đình D, Ma Văn D1, Ma Văn Q, Đặng Văn Đ, sửa bản án sơ thẩm số 02/2018/HS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt như sau:

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 đối với các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn Văn H, (Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Văn C);

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn C** 09 (Chín) tháng tù về tội Đánh bạc, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** 07 (Bẩy) tháng tù về tội Đánh bạc, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án.

* Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248; Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn S** 08 (T) tháng tù về tội đánh bạc, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án; phạt tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

* Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248; Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn L (**tên gọi khác **Hoàng Thế L)** 09 (Chín) tháng tù về tội Đánh bạc, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án; phạt tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

* Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248; Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo **Phạm Gia K** 05 (Năm) tháng tù về tội Đánh bạc, cho bị cáo được hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 (Mười hai) tháng. phạt tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo **Đặng Văn Đ** 06 (Sáu) tháng về tội Đánh bạc, cho bị cáo được hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 (Mười hai) tháng.

*Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự với bị cáo D1).

Xử phạt bị cáo **Ma Phúc T** 09 (Chín) tháng tù về tội Đánh bạc, cho bị cáo được hưởng án treo, thời hạn thử thách 18 (Mười T) tháng.

Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T** 06 (Sáu) tháng tù về tội Đánh bạc, cho bị cáo được hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 (Mười hai) tháng.

Xử phạt Bị cáo **Ma Đình D** 05 (Năm) tháng tù về tội Đánh bạc, cho bị cáo được hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 (Mười hai) tháng.

Xử phạt Bị cáo **Ma Văn D1** 04 (Bốn) tháng tù về tội Đánh bạc, cho bị cáo được hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 (Mười hai) tháng.

Xử phạt bị cáo **Ma Văn Q** 04 (Bốn) tháng tù về tội Đánh bạc, cho bị cáo được hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 (Mười hai) tháng.

Thời hạn thử thách của các bị cáo tính từ ngày tuyên án hình sự phúc thẩm.

Giao các bị cáo Hoàng Văn T cho UBND xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo. Giao các bị cáo Phạm Gia K, Ma Phúc T cho UBND xã M, huyện C, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo. Giao các bị cáo Ma Đình D, Ma Văn D1, Ma Văn Q, Đặng Văn Đ cho UBND xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo. (*Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự*)

Không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với các bị cáo thuộc hộ gia đình nghèo trong xã gồm: Phạm Văn C, Hoàng Văn T, Nguyễn Văn H, Ma Đình D, Ma Văn D1, Ma Văn Q, Ma Phúc T, Đặng Văn Đ. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H số tiền phạt 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000915 ngày 09/02/2018; bị cáo Ma Đình D số tiền phạt 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000917 ngày 09/02/2018; bị cáo Ma Văn D1 số tiền phạt 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000919 ngày 09/02/2018; bị cáo Ma Văn Q số tiền phạt 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000918 ngày 09/02/2018; bị cáo Ma Phúc T 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000914 ngày 07/02/2018 (do bị cáo Phạm Gia K nộp thay), toàn bộ số tiền trên được nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Ghi nhận bị cáo Phạm Gia K đã nộp khoản tiền phạt 1.000.000đ (Một triệu đồng) tại Biên lai thu tiền số 0000914 ngày 07/02/2018 và tiền án phí 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0000901 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Ghi nhận các bị cáo Ma Phúc T đã nộp khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0000902 ngày 01/02/2018; bị cáo Ma Đình D 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0000906 ngày

01/02/2018; bị cáo Ma Văn D1 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0000919 ngày 09/02/2018; bị cáo Ma Văn Q 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0000907 ngày 01/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

* Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn C, Hoàng Văn T, Phạm Gia K, Nguyễn Văn H, Ma Phúc T, Hoàng Văn L, Ma Đình D, Ma Văn D1, Ma Văn Q, Đặng Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng PV 27 C an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- C an huyện L;
- Các bị cáo;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Minh Hùng

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tuyên Quang, ngày 02 tháng 5 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Hùng**
Các thẩm phán: Ông **Ma Hồng Thắng**, Bà **Hoàng Thị Minh Khánh**.

Căn cứ vào các Điều 326, 344, 345 và Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 02 tháng 5 năm 2018, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án: Phạm Văn C + Đồng bọn, phạm tội Đánh bạc.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án và quyết định như sau:

1. Căn cứ áp dụng: Căn cứ điểm b Điều 355; điểm c, điểm e Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn C, Hoàng Văn T, Phạm Gia K, Nguyễn Văn H, Ma Phúc T, Hoàng Văn L, Ma Đình D, Ma Văn D1, Ma Văn Q, Đặng Văn Đ, sửa bản án sơ thẩm số 02/2018/HS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt như sau:

- Các thẩm phán nhất trí, chủ tọa phiên tòa nhất trí, biểu quyết 3/3.

2. Điều luật và hình phạt áp dụng: Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 đối với các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn Văn H, (Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Văn C);

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn C** 09 (Chín) tháng tù về tội Đánh bạc, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** 07 (Bẩy) tháng tù về

tội Đánh bạc, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án.

* Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248; Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn S** 08 (T) tháng tù về tội đánh bạc, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án; phạt tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

* Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248; Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn L (**tên gọi khác **Hoàng Thế L)** 09 (Chín) tháng tù về tội Đánh bạc, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án; phạt tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

* Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248; Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo **Phạm Gia K** 05 (Năm) tháng tù về tội Đánh bạc, cho bị cáo được hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 (Mười hai) tháng. phạt tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo **Đặng Văn Đ** 06 (Sáu) tháng về tội Đánh bạc, cho bị cáo được hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 (Mười hai) tháng.

*Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự với bị cáo D1).

Xử phạt bị cáo **Ma Phúc T** 09 (Chín) tháng tù về tội Đánh bạc, cho bị cáo được hưởng án treo, thời hạn thử thách 18 (Mười T) tháng.

Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T** 06 (Sáu) tháng tù về tội Đánh bạc, cho bị cáo được hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 (Mười hai) tháng.

Xử phạt Bị cáo **Ma Đình D** 05 (Năm) tháng tù về tội Đánh bạc, cho bị cáo được hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 (Mười hai) tháng.

Xử phạt Bị cáo **Ma Văn D1** 04 (Bốn) tháng tù về tội Đánh bạc, cho bị cáo được hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 (Mười hai) tháng.

Xử phạt bị cáo **Ma Văn Q** 04 (Bốn) tháng tù về tội Đánh bạc, cho bị cáo được hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 (Mười hai) tháng.

Thời hạn thử thách của các bị cáo tính từ ngày tuyên án hình sự phúc thẩm.

Giao các bị cáo Hoàng Văn T cho UBND xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo. Giao các bị cáo Phạm Gia K, Ma Phúc T cho UBND xã M, huyện C, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo. Giao các bị cáo Ma Đình D, Ma Văn D1, Ma

Văn Q, Đặng Văn Đ cho UBND xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với các bị cáo thuộc hộ gia đình nghèo trong xã gồm: Phạm Văn C, Hoàng Văn T, Nguyễn Văn H, Ma Đình D, Ma Văn D1, Ma Văn Q, Ma Phúc T, Đặng Văn Đ. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H số tiền phạt 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000915 ngày 09/02/2018; bị cáo Ma Đình D số tiền phạt 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000917 ngày 09/02/2018; bị cáo Ma Văn D1 số tiền phạt 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000919 ngày 09/02/2018; bị cáo Ma Văn Q số tiền phạt 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000918 ngày 09/02/2018; của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Ghi nhận bị cáo Phạm Gia K đã nộp khoản tiền phạt 1.000.000đ (Một triệu đồng) tại Biên lai thu tiền số 0000914 ngày 07/02/2018 và tiền án phí 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0000901 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Ghi nhận các bị cáo Ma Phúc T đã nộp khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0000902 ngày 01/02/2018; bị cáo Ma Đình D 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0000906 ngày 01/02/2018; bị cáo Ma Văn D1 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0000919 ngày 09/02/2018; bị cáo Ma Văn Q 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0000907 ngày 01/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

- Các thẩm phán nhất trí, chủ tọa phiên tòa nhất trí, biểu quyết 3/3.

3. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn C, Hoàng Văn T, Phạm Gia K, Nguyễn Văn H, Ma Phúc T, Hoàng Văn L, Ma Đình D, Ma Văn D1, Ma Văn Q, Đặng Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

- Các thẩm phán nhất trí, chủ tọa phiên tòa nhất trí, biểu quyết 3/3.

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Ma Hồng Thắng **Hoàng Thị Minh Khánh** **Nguyễn Minh Hùng**

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng PV 27 C an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- C an huyện L;
- Các bị cáo;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hùng